TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC TRÀ MY** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05**/2025/HS-ST
Ngày: 25 - 02 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TRÀ MY, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Phi Công và ông Phạm Minh Tài.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Phước Quang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Hoài My - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 34/2024/TLST-HS ngày 21 tháng 11 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 12 năm 2024 đối với:

Bị cáo **Bùi Văn T**. Sinh ngày 04 tháng 06 năm 1979 tại huyện D, tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: tổ A, thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam; Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn H, sinh năm 1950 (đã chết) và bà Lê Thị T1, sinh năm 1955 (đã chết); Có vợ là Đào Thị L, sinh năm 1981 và có 03 con; Tiền án, tiền sự: không có; Nhân thân: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*". Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Bà Lê Thị H1, sinh năm 1972. Địa chỉ: thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

+ Bà Đại Thị T2, sinh năm 1997. Địa chỉ: thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 2002. Địa chỉ: thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).

+ Bà Huỳnh Thị Mỹ H2, sinh năm 1977. Địa chỉ: thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ

án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 12/10/2024, bị cáo Bùi Văn T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 37F1-543.77 từ nhà đến xã T, huyện B để giao hàng cho các tiệm tạp hoá. Khi đến quán nước của bà Lê Thị H1 để giao hàng nhưng không thấy ai trong quán nên bị cáo đến quán của bà Trần Thị T3 để tiếp tục giao hàng. Sau khi giao hàng xong, bị cáo quay lại quán nước của bà H1 nhưng không có ai ở quán. Lúc này, bị cáo thấy chiếc tivi nhãn hiệu LG, màn hình 55 inch, màu đen để trong tủ ở trong quán nhưng không khoá cửa tủ nên bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp chiếc tivi này. Bị cáo đến chỗ chiếc tivi dùng tay trái nắm vào đế bên trái tivi, tay phải nắm vào cạnh trên bên trái nâng tivi lên và giật mạnh tivi ra khỏi tủ. Sau khi lấy được tivi thì bị cáo mang ra xe, đặt lên trên thùng giấy carton (bên trong thùng chứa nhiều hàng hoá để đi giao) trên yên xe phía sau. Bị cáo dùng dây cao su móc một đầu vào khoen trên gác chân sau bên trái vòng qua chiếc tivi rồi móc đầu còn lại vào khoen trên gác chân sau bên phải. Sau đó, bị cáo ngồi lên xe và điều khiển xe rời khỏi quán đi về hướng xã T. Lúc này, chị Đại Thị T2 đang đi đến trước UBND xã T, huyện B thì thấy bị cáo ngồi trên xe trước quán bà H1 và di chuyển đi, trên xe có một chiếc tivi nên chị T2 nghi ngờ bị cáo trộm cắp tivi của bà H1 và đuổi theo. Trên đường đi, chị T2 gặp anh Nguyễn Văn N và chị Huỳnh Thị Mỹ H2 và nói với anh N, chị H2 về việc thấy có người lấy tivi ở quán nước bà H1. Anh N nói chị H2 xuống hỏi bà H1 có bán tivi đó không. Chị H2 đi đến nhà bà H1 nói về việc có một người đàn ông lấy tivi của bà H1 chở trên xe mô tô đi về hướng xã T. Nghe vậy, con trai của bà H1 là anh Đỗ Văn N1 điều khiển xe mô tô đuổi theo đến đầu cầu S, anh N1 thấy bị cáo đang dừng xe và đi đến hỏi về nguồn gốc tivi. Anh N1 nghi ngờ bị cáo lấy trộm tivi của gia đình mình nên yêu cầu bị cáo quay lại quán nước của bà H1 để làm rõ nguồn gốc chiếc tivi. Sau đó, bà H1 báo cáo sự việc cho Công an xã T để xử lý theo quy định.

Tại kết luận định giá số 21/KL-HĐĐGTS ngày 25/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận: 01 tivi, nhãn hiệu LG, màn hình 55 inch, màu đen, đã qua sử dụng, có giá trị tại thời điểm bị mất (ngày 12/10/2024) là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

Cáo trạng số 31/CT-VKSBTM ngày 19/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam truy tố bị cáo Bùi Văn T về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung truy tố theo cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Bùi Văn T mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về xử lý vật chứng: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng

hình sự năm 2015, trả lại cho bị cáo: 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 37F1-543.77, nhãn hiệu HONDA, loại WAVES, màu đen bạc, số máy C52E-4482952, số khung CY-317765.

Ngoài ra, các vấn đề khác có liên quan trong vụ án đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết như Cáo trạng đã truy tố.

Bị hại Nguyễn Thị H3 đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại gì khác và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo nói lời sau cùng mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy:

Vào sáng ngày 12/10/2024, tại thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam, bị cáo Bùi Văn T đã có hành vi lén lút trộm cắp của bà Nguyễn Thị H3 một tivi nhãn hiệu LG, màn hình 55 inch, màu đen, đã qua sử dụng, có giá trị là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Bùi Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đối chiếu và thẩm tra phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, biên bản xác định hiện trường, bản ảnh hiện trường, kết luận định giá tài sản, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được các cơ quan tiến hành tố tụng thu thập.

Bị cáo Bùi Văn T có đủ nhận thức hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do lòng tham khi thấy tài sản không có ai quản lý nên đã lén lút trộm cắp tài sản của bị hại. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân.

Như vậy, Cáo trạng số 31/CT-VKSBTM ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên toà là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hội đồng xét xử sơ thẩm có đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo Bùi Văn T đã phạm tội "*Trộm cắp tài sản*". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi của bị cáo thể hiện sự liều lĩnh, ngang nhiên vào nhà của người khác để trộm cắp tài sản. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra thì mới có tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[2] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thì thấy:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa bị các cơ quan chức năng xử lý về hành vi vi phạm.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải, hối hận và muốn sửa chữa những sai lầm về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, là lao động chính trong gia đình nên Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xem xét giảm nhẹ khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên toà cho thấy bị cáo không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Nguyễn Thị H3 đã nhận lại toàn bộ tài sản và không có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã tiến thu giữ vật chứng và xử lý vật chứng đảm bảo quy định của pháp luật.

Đối với 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 37F1-543.77, nhãn hiệu HONDA, loại WAVES, màu đen bạc, số máy C52E-4482952, số khung CY-317765, là tài sản của bị cáo, quá trình điều tra và tại phiên toà xác định không liên quan đến hành vi phạm tội, bị cáo không sử dụng vào mục đích phạm tội nên Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo theo quy định tại các Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[6] Về án phí: Bị cáo Bùi Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Quảng Nam, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Bùi Văn T phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Xử phạt Bùi Văn T 09 (*chín*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (*mười tám*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25/02/2025).

Giao bị cáo Bùi Văn T cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ các Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, trả lại cho bị cáo Bùi Văn T: 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 37F1-543.77, nhãn hiệu HONDA, loại WAVES, màu đen bạc, số máy C52E-4482952, số khung CY-317765.

(*Vật chứng trên hiện đang được lưu giữ tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/11/2024*).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Bùi Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)*.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 25/02/2025). Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Bắc Trà My;
- Cơ quan CSĐT huyện Bắc Trà My;
- Chi cục THADS huyện Bắc Trà My;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thanh Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

N2